

BỘ CÔNG THƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **5097** /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **29** tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng
phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP, ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về việc Quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 476/QĐ-BCT ngày 01 tháng 02 năm 2016 về việc ban hành Mục tiêu chất lượng và Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng năm 2016 của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Cơ quan Bộ Công Thương phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng và các thành viên Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc ISO chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Các Vụ, Cục, Tổng cục, TTrB, VPB;
- Vụ CCHC, Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, VP.

KT BỘ TRƯỞNG
CHỖ THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Quốc Vượng

**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN BỘ CÔNG THƯƠNG
ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA**

TCVN ISO 9001:2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 5097 /QĐ-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2016)

Cơ quan Bộ Công Thương xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 cho việc thực hiện các thủ tục hành chính theo chức năng nhiệm vụ gồm: Sổ tay và Chính sách chất lượng – Mục tiêu chất lượng, 49 quy trình và 06 hướng dẫn thuộc lĩnh vực như sau:

STT	Tên Quy trình	Mã số	Đơn vị thực hiện
A. Các văn bản hệ thống			
1	Sổ tay chất lượng và Chính sách – Mục tiêu chất lượng 2016		Văn phòng Bộ
2	Quy trình quản lý tài liệu và hồ sơ	QT.01	Văn phòng Bộ
3	Quy trình xem xét của lãnh đạo về Hệ thống quản lý chất lượng	QT.02	Văn phòng Bộ
4	Quy trình đánh giá chất lượng nội bộ	QT.03	Văn phòng Bộ
5	Quy trình cải tiến chất lượng	QT.04	Văn phòng Bộ
B. Quy trình theo chức năng nhiệm vụ			
I. Văn phòng Bộ			
1	Quy trình Xử lý công văn đến và đi	QT.05	Văn phòng Bộ
2	Quy trình Quản lý thiết bị	QT.06	Văn phòng Bộ
3	Quy trình Mua sắm tài sản tại Cơ quan Bộ	QT.07	Văn phòng Bộ
4	Quy trình Tổ chức hội nghị, hội thảo	QT.08	Văn phòng Bộ
5	Quy định Chi tiêu nội bộ	QĐ.09	Văn phòng Bộ
6	Quy trình giải quyết thủ tục hành chính	QT.10	Văn phòng Bộ
7	Quy trình xây dựng đề án	QT.11	Văn phòng Bộ
8	Quy trình phỏng vấn trong hoạt động báo chí	QT.12	Văn phòng Bộ
II. Thanh tra Bộ			
9	Quy trình lập và thực hiện kế hoạch thanh tra	QT.13	Thanh tra Bộ
10	Quy trình xử lý đơn thư	QT.14	Thanh tra Bộ
11	Quy trình tiếp công dân	QT.15	Thanh tra Bộ

III. Lĩnh vực Kế hoạch			
12	Quy trình theo dõi, tổng hợp, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển	QT.16	Vụ Kế hoạch
13	Quy trình lập báo cáo định kỳ và đột xuất	QT.17	Vụ Kế hoạch
14	Quy trình thẩm định các dự án	QT.18	Vụ Kế hoạch
15	Quy trình theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư	QT.19	Vụ Kế hoạch
IV. Lĩnh vực Pháp chế			
16	Quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương	QT.20	Vụ Pháp chế
17	Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công thương đã chuẩn hóa về nội dung		Vụ Pháp chế
V. Lĩnh vực Công nghiệp nhẹ			
18	Quy trình cấp Giấy phép rượu công nghiệp	QT.21	Vụ Công nghiệp nhẹ
19	Quy trình cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá (cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung)	QT.22	Vụ Công nghiệp nhẹ
20	Quy trình cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá (cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung)	QT.23	Vụ Công nghiệp nhẹ
21	Quy trình Thông báo chỉ tiêu nhập khẩu nguyên phụ liệu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước và chế biến sợi thuốc lá	QT.24	Vụ Công nghiệp nhẹ
22	Quy trình nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá	QT.25	Vụ Công nghiệp nhẹ
VI. Lĩnh vực Tổ chức cán bộ			
23	Quy trình quản lý, tổ chức đoàn ra	QT.26	Vụ Tổ chức cán bộ
24	Quy trình thi tuyển công chức	QT.27	Vụ Tổ chức cán bộ

25	Quy trình bổ nhiệm cán bộ	QT.28	Vụ Tổ chức cán bộ
26	Quy trình cử cán bộ, công chức đi công tác tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài	QT.29	Vụ Tổ chức cán bộ
27	Quy trình chọn, cử và tiếp nhận công chức, viên chức đi học trong và ngoài nước	QT.30	Vụ Tổ chức cán bộ
28	Quy trình xây dựng chiến lược, quy hoạch cán bộ	QT.31	Vụ Tổ chức cán bộ

VII. Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ

29	Quy trình đăng ký, xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và dự thảo tiêu chuẩn quốc gia	QT.32	Vụ Khoa học và Công nghệ
30	Quy trình xem xét, đánh giá và đưa vào danh mục các sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp được phép sử dụng	QT.33	Vụ Khoa học và Công nghệ
31	Quy trình tổ chức, xây dựng, triển khai và đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ Khoa học công nghệ sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước	QT.34	Vụ Khoa học và Công nghệ

VIII. Lĩnh vực Chính sách thương mại Đa biên

32	Quy trình soạn thảo, đàm phán và ký kết các điều ước quốc tế đa phương	QT.35	Vụ Chính sách thương mại Đa biên
----	--	-------	----------------------------------

IX. Lĩnh vực Hợp tác quốc tế

33	Quy trình soạn thảo và ký kết các điều ước quốc tế song phương	QT.36	Vụ Hợp tác quốc tế
34	Quy trình tổ chức các khóa họp của Ủy ban liên Chính phủ	QT.37	Vụ Hợp tác quốc tế
35	Quy trình quản lý và tổ chức tiếp khách nước ngoài	QT.38	Vụ Hợp tác quốc tế
36	Quy trình thẩm định, phê duyệt, giám sát và quản lý triển khai các chương trình/ dự án/phi dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn vốn vay ưu đãi và nguồn hỗ	QT.39	Vụ Hợp tác quốc tế

	trợ phi chính phủ nước ngoài (PCPNN)		
X. Lĩnh vực Phát triển nguồn nhân lực			
37	Quy trình xây dựng và kiểm tra thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm	QT.40	Vụ Phát triển nguồn nhân lực
XI. Lĩnh vực Tài chính			
38	Quy trình tổ chức quản lý kinh phí hành chính sự nghiệp	QT.41	Vụ Tài chính
39	Quy trình theo dõi, kiểm tra, đánh giá và tổng hợp tình hình tài chính các doanh nghiệp thuộc Bộ	QT.42	Vụ Tài chính
40	Quy trình xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa	QT.43	Vụ Tài chính
41	Quy trình quyết toán kinh phí hành chính sự nghiệp	QT.44	Vụ Tài chính
42	Quy trình quản lý tài sản công và hoạt động mua sắm, thanh lý, điều chuyển tài sản tại các đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc Bộ	QT.45	Vụ Tài chính
43	Quy trình thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành	QT.46	Vụ Tài chính
XII. Lĩnh vực Thi đua-Khen thưởng			
44	Quy trình thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng	QT.47	Vụ Thi đua-Khen thưởng
XIII. Lĩnh vực Thị trường trong nước			
45	Hướng dẫn lập báo cáo tình hình thị trường, giá cả của tổ điều hành thị trường trong nước	HD.01	Vụ Thị trường trong nước
46	Hướng dẫn xử lý hồ sơ, trình duyệt cấp giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh trở lên)	HD.02	Vụ Thị trường trong nước
47	Hướng dẫn công việc xử lý hồ sơ, trình duyệt cấp giấy phép kinh doanh phân phối sản phẩm	HD.03	Vụ Thị trường trong nước

	rượu (kinh doanh trên địa bàn từ 06 tỉnh trở lên)		
48	Hướng dẫn cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa	HD.04	Vụ Thị trường trong nước
49	Hướng dẫn xử lý hồ sơ, trình duyệt ra thông báo chấp thuận đăng lý hoạt động nhượng quyền thương mại từ nước ngoài vào Việt Nam	HD.05	Vụ Thị trường trong nước
XIV. Lĩnh vực Thị trường ngoài nước			
50	Quy trình chỉ đạo hoạt động chuyên môn của các Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài	QT.48	Vụ Thị trường Châu Âu
51	Quy trình hoạt động đăng tin trên cổng thông tin điện tử của các vụ thị trường ngoài nước	QT.49	Vụ Thị trường Châu Âu
52	Hướng dẫn lập báo cáo tình hình hoạt động thương mại của các nước trong khu vực và vùng lãnh thổ	HD.06	Vụ Thị trường Châu Mỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
TẠI CƠ QUAN BỘ CÔNG THƯƠNG PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA
TCVN ISO 9001: 2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5097 QĐ-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

Cơ quan Bộ Công Thương công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Cơ quan Bộ Công Thương phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 thuộc 14 lĩnh vực với 45 quy trình và 6 hướng dẫn như sau:

I. Văn phòng Bộ

1. Quy trình Xử lý công văn đến và đi;
2. Quy trình Quản lý thiết bị;
3. Quy trình Mua sắm tài sản tại Cơ quan Bộ;
4. Quy trình Tổ chức hội nghị, hội thảo;
5. Quy định Chi tiêu nội bộ;
6. Quy trình giải quyết thủ tục hành chính;
7. Quy trình xây dựng đề án;
8. Quy trình phỏng vấn trong hoạt động báo chí.

II. Thanh tra Bộ

9. Quy trình lập và thực hiện kế hoạch thanh tra;
10. Quy trình xử lý đơn thư;
11. Quy trình tiếp công dân.

III. Lĩnh vực Kế hoạch

12. Quy trình theo dõi, tổng hợp, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện cơ chế, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển;
13. Quy trình lập báo cáo định kỳ và đột xuất;
14. Quy trình thẩm định các dự án;
15. Quy trình theo dõi, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư.

IV. Lĩnh vực Pháp chế

16. Quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương;
17. Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương đã chuẩn hóa về nội dung.

V. Lĩnh vực Công nghiệp nhẹ

18. Quy trình cấp Giấy phép rượu công nghiệp;

19. Quy trình cấp Giấy phép sản xuất sản phẩm thuốc lá (cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung);
20. Quy trình cấp Giấy phép chế biến nguyên liệu thuốc lá (cấp mới, cấp lại, cấp sửa đổi bổ sung);
21. Quy trình Thông báo chỉ tiêu nhập khẩu nguyên phụ liệu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá tiêu thụ trong nước và chế biến sợi thuốc lá;
22. Quy trình nhập khẩu máy móc, thiết bị chuyên ngành thuốc lá.

VI. Lĩnh vực Tổ chức cán bộ

23. Quy trình quản lý, tổ chức đoàn ra;
24. Quy trình thi tuyển công chức;
25. Quy trình bổ nhiệm cán bộ;
26. Quy trình cử cán bộ, công chức đi công tác tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài;
27. Quy trình chọn, cử và tiếp nhận công chức, viên chức đi học trong và ngoài nước;
28. Quy trình xây dựng chiến lược, quy hoạch cán bộ.

VII. Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ

29. Quy trình đăng ký, xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và dự thảo tiêu chuẩn quốc gia;
30. Quy trình xem xét, đánh giá và đưa vào danh mục các sản phẩm vật liệu nổ công nghiệp được phép sử dụng;
31. Quy trình tổ chức, xây dựng, triển khai và đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ Khoa học công nghệ sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước.

VIII. Lĩnh vực Chính sách thương mại Đa biên

32. Quy trình soạn thảo, đàm phán và ký kết các điều ước quốc tế đa phương.

IX. Lĩnh vực Hợp tác quốc tế

33. Quy trình soạn thảo và ký kết các điều ước quốc tế song phương;
34. Quy trình tổ chức các khóa họp của Ủy ban liên Chính phủ;
35. Quy trình quản lý và tổ chức tiếp khách nước ngoài;
36. Quy trình thẩm định, phê duyệt, giám sát và quản lý triển khai các chương trình/ dự án/phi dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn vốn vay ưu đãi và nguồn hỗ trợ phi chính phủ nước ngoài (PCPNN).

X. Lĩnh vực Phát triển nguồn nhân lực

37. Quy trình xây dựng và kiểm tra thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

XI. Lĩnh vực Tài chính

38. Quy trình tổ chức quản lý kinh phí hành chính sự nghiệp;
39. Quy trình theo dõi, kiểm tra, đánh giá và tổng hợp tình hình tài chính các doanh nghiệp thuộc Bộ;
40. Quy trình xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa;
41. Quy trình quyết toán kinh phí hành chính sự nghiệp;
42. Quy trình quản lý tài sản công và hoạt động mua sắm, thanh lý, điều chuyển tài sản tại các đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc Bộ;
43. Quy trình thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành.

XII. Lĩnh vực Thi đua-Khen thưởng

44. Quy trình thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng.

XIII. Lĩnh vực Thị trường trong nước

45. Hướng dẫn lập báo cáo tình hình thị trường, giá cả của tổ điều hành thị trường trong nước;

46. Hướng dẫn xử lý hồ sơ, trình duyệt cấp giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá (kinh doanh trên địa bàn 02 tỉnh trở lên);

47. Hướng dẫn công việc xử lý hồ sơ, trình duyệt cấp giấy phép kinh doanh phân phối sản phẩm rượu (kinh doanh trên địa bàn từ 06 tỉnh trở lên);

48. Hướng dẫn cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa;

49. Hướng dẫn xử lý hồ sơ, trình duyệt ra thông báo chấp thuận đăng lý hoạt động nhượng quyền thương mại từ nước ngoài vào Việt Nam.

XIV. Lĩnh vực Thị trường ngoài nước

50. Quy trình chỉ đạo hoạt động chuyên môn của các Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài;

51. Quy trình hoạt động đăng tin trên cổng thông tin điện tử của các vụ thị trường ngoài nước;

52. Hướng dẫn lập báo cáo tình hình hoạt động thương mại của các nước trong khu vực và vùng lãnh thổ.

Và 04 quy trình quản lý, phối hợp và điều hành trong Cơ quan Bộ Công Thương./.

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2016



Hoàng Quốc Vượng